

PHƯƠNG ĐÔNG		THÔNG SỐ KỸ THUẬT			
Tên sản phẩm		Kích thước	Chất liệu giấy		Quy cách
Toa ABAGAMAX		mm	Couche 80		Xén thành phẩm
Màu sắc (chú thích in 1 màu pha theo phần tích chọn)		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Thông số màu pha: C.....M.....Y.....K.....					
NV THIẾT KẾ		TRƯỞNG BỘ PHẬN		KHÁCH HÀNG	
Ký duyệt, ngàythángnăm 2024					
<p>Lưu ý: Màu sắc in đạt 85% so với file thiết kế, màu sắc thực tế chỉ xác nhận khi được in thử (Theo mẫu gốc hoặc in theo file thiết kế, màu theo mẫu khách hàng đính kèm) trên các chất liệu thực tế.</p> <p>XIN QUÝ KHÁCH KIỂM TRA KỸ NỘI DUNG, BỘ CỤC, MÀU SẮC, KÍCH THƯỚC..... TRƯỚC KHI KÝ DUYỆT</p>					

Rx Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc



ABAGAMAX

(Cao Anthocyanosidic của *Vaccinium myrtillus* 100,0 mg
Betacaroten 5,0 mg)

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

1. THÀNH PHẦN, CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi viên nén bao phim chứa:

Thành phần hoạt chất:

Cao Anthocyanosidic của *Vaccinium myrtillus* :100,0 mg

(tương đương 32,4 – 39,6 mg tổng lượng anthocyanins, tính theo cyanidin 3-O-glucosid chlorid)

Betacaroten :5,0 mg

Thành phần tá dược: Tinh bột mì, cellulose vi tinh thể PH 101, dicalci phosphat, natri croscarmellose, povidon K30, talc, magnesi stearat, HPMC 15cp, PEG 6000, titan dioxide, màu Brilliant blue lake.

2. DẠNG BẢO CHẾ

Viên nén bao phim

Mô tả: Viên nén bao phim hình tròn, màu xanh lam, hai mặt nhẵn, cạnh và thành viên lành lặn.

3. ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

Mã ATC: C05CX

Nhóm dược lý: Bảo vệ mạch máu

Chưa có thông tin

4. DƯỢC ĐỘNG HỌC

Chưa có thông tin

5. CHỈ ĐỊNH

Sử dụng cho người lớn nhằm:

- Điều trị hỗ trợ các triệu chứng suy giảm tĩnh mạch (chân nặng, đau, tê đi cảm).
- Điều trị hỗ trợ các rối loạn do giãn mao mạch.
- Điều trị rối loạn thị giác và suy giảm thị lực.

Cần có sự tư vấn của bác sĩ khi điều trị các rối loạn giãn mao mạch và giảm thị lực có nguyên nhân từ mạch máu.

6. CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Liều dùng

3 đến 6 viên mỗi ngày

Cách dùng

Đường uống

Uống nguyên viên với một cốc nước, không nhai.

Điều trị trong 20 ngày, nếu cần thiết có thể điều trị lâu hơn.

7. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với dược chất hoặc bất cứ thành phần tá dược nào của thuốc.

8. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Cảnh báo tá dược:

Tinh bột mì có trong thuốc này chỉ chứa hàm lượng gluten rất thấp và ít có khả năng có hại nếu bệnh nhân có bệnh Celiac. Nếu bị dị ứng với lúa mì, bệnh nhân không nên dùng thuốc này.

9. SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Dữ liệu nghiên cứu trên động vật không gây quái thai. Trong điều trị, cho đến nay cũng chưa phát hiện dị tật thai nhi. Tuy nhiên, cần phải giám sát chặt chẽ khi sử dụng thuốc này cho phụ nữ có thai.

Không nên sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai trừ trường hợp lợi ích vượt trội so với nguy cơ.

Phụ nữ cho con bú

Do không có dữ liệu về việc thuốc có vào sữa mẹ hay không, tránh sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai.

10. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Không ảnh hưởng

11. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Phản ứng có hại được liệt kê dưới đây theo hệ cơ quan và nhóm tần suất. Các tần suất được định nghĩa là: Rất thường gặp ($\geq 1/10$); Thường gặp ($\geq 1/100$ đến $< 1/10$); Ít gặp ($\geq 1/1.000$ đến $< 1/100$); Hiếm gặp ($\geq 1/10.000$ đến $< 1/1.000$); Rất hiếm gặp ($< 1/10.000$); Chưa biết (không thể ước lượng tần suất từ dữ liệu sẵn có).

Hiếm gặp: rối loạn tiêu hoá

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

12. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Không có tương tác có ý nghĩa lâm sàng từ các dữ liệu có sẵn

13. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Chưa có trường hợp quá liều nào được báo cáo. Tuy nhiên, sử dụng quá liều có thể dẫn đến làm trầm trọng hơn các tác dụng không mong muốn của thuốc.

14. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 03 vi x 10 viên nén bao phim, kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

Hộp 06 vi x 10 viên nén bao phim, kèm tờ hướng dẫn sử dụng.

15. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Trong bao bì kín, nơi khô ráo, tránh ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.

16. HẠN DÙNG CỦA THUỐC: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

17. TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG: Tiêu chuẩn cơ sở.

18. TÊN, ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT:

CÔNG TY DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI PHƯƠNG ĐÔNG-(TNHH)

TS 509, tờ bản số số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

200 mm

200 mm

145 mm

145 mm